TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2022
V/v " Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Hương;
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Trọng Tuấn;

Ông Lương Công Tiên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 79/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976; Địa chỉ: phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; Địa chỉ: khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo nội dung đơn xin ly hôn 03/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông T và bà H tự nguyện tiến tới hôn nhân và ngày 04/6/2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Trong quá trình chung sống đến khoảng năm 2010, ông bà xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa, nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thảo V(nữ), sinh ngày 14/5/2007. Nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Tại Bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 25/4/2022 bị đơn trình bày:

Ông T và bà H quen biết vào năm 2005. Đến năm 2007 hai bên tiến tới kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm, đời sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn được. Đối với yêu cầu ly hôn của bà H, ông T đồng ý. Do công việc nên ông T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thảo V(nữ), sinh ngày 14/5/2007. Ông T đồng ý giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi trưởng thành

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với ông T nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông T có địa chỉ: phường L, quận B, thành phố Cần Thơ nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông T và bà H tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà H phát sinh từ việc bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, không có tiếng nói chung trong tình cảm vợ chồng. Ông bà đều xác định không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và ông T cũng đồng ý ly hôn. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông T và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở, phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung: Bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét bản tự khai của cháu V, cháu có nguyện vọng sống với bà H, phía ông T cũng đồng ý giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng đến cho con đủ 18 tuổi. Ông T cũng đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Thu H ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2.Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thảo V(nữ), sinh ngày 14/5/2007 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Nguyễn Văn T, không ai được quyền ngăn cản.

Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000*(Ba triệu)* đồng/tháng đến con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4.Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000*(Ba trăm nghìn)* đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 300.000*(Ba trăm nghìn)*đồng theo biên lai thu số 0002383 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000*(Ba trăm nghìn)* đồng. Nguyên đơn nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thùy Hương

*Nơi nhận:
-Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;
-Chi cục THA DS quận Bình Thủy;
-UBND tt Mái Dầm, H.Châu Thành, HG (nơi đk kết hôn-GCNKH 70, 1/2007);
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.